

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-12-2021  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.***

***Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Quy.***

***- Ông Dương Văn Hạnh.***

***- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.***

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ L số 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn: Ông Trần Đức L, sinh năm: 1966.***

***Địa chỉ: KDC 15, ấp 2, xã Phú H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.***

***2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1971.***

***Địa chỉ: KDC 15, ấp 2, xã Phú H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.***

***(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2021; bản tự khai ngày 11/10/2021 nguyên đơn là ông Trần Đức L trình bày:

Về hôn nhân: Ông L và bà H tự nguyện đi đến hôn nhân từ năm 1992 có tổ chức đám cưới, nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28 ngày 28/5/2019. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L cảm thấy bà H có nhiều biểu hiện bất thường như luôn canh chừng điện thoại và cầm điện thoại vào phòng là chốt ngang cửa không cho ông vào, khi nói chuyện điện thoại mà thấy ông L là cúp máy ngay và giấu điện thoại, bà H đang đọc tin nhắn thấy ông L là liền lảng sang việc khác, từ những biểu hiện như vậy khiến ông L nghi ngờ bà H có mối quan hệ với người đàn ông khác nên thường hay cãi nhau. Từ tháng 4/2020 cho đến nay thì ông L và bà H

đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Vợ cH đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả.

Hiện nay ông L hết tình cảm vợ cH với bà H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị H.

Về con chung: Có 03 con chung là Trần Thị Hạnh, sinh ngày 05/11/1994; Trần Thị Hiền, sinh ngày 15/5/1997 và Trần Hoài Nam, sinh ngày 24/9/2000. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai của bị đơn bà Bùi Thị H trình bày: bà H và ông L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 và có tổ chức đám cưới, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 28/5/2019. Cuộc sống chung vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, ông L thường xuyên ghen tuông mù quáng không có căn cứ, tiếp đến là ông L bỏ nhà đi từ tháng 4/2020 cho đến nay không trở về nhà chăm lo cho gia đình vợ con. Hiện nay bà H và ông L không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa vì vậy bà H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L.

Về con chung: Có 03 con chung là Trần Thị Hạnh, sinh ngày 05/11/1994; Trần Thị Hiền, sinh ngày 15/5/1997 và Trần Hoài Nam, sinh ngày 24/9/2000. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Đức L. Cho ông L được ly hôn với bà Bùi Thị H.

- Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Ông Trần Đức L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Do nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Ông L yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà H nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Bùi Thị H hiện cư trú tại xã Phú Hòa, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định ông Trần Đức L là nguyên đơn; bà Bùi Thị H là bị đơn trong vụ án.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông L và bà H tự nguyện đi đến hôn nhân từ năm 1992 nhưng đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hòa. Vì vậy, hôn nhân giữa ông L và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét lời trình bày và thừa nhận của ông L và bà H, có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông L và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, những mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân của ông L và bà H đã vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Ông L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, bà H đồng ý ly hôn.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng ông L và bà H đã có mâu thuẫn, không còn khả năng đoàn tụ vợ chồng.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L, giải quyết cho ông L được ly hôn với bà H theo Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà H có 03 con chung là Trần Thị Hạnh, sinh ngày 05/11/1994; Trần Thị Hiền, sinh ngày 15/5/1997 và Trần Hoài Nam, sinh ngày 24/9/2000. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Đức L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Đức L. Ông Trần Đức L được ly hôn với bà Bùi Thị H.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần Đức L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai số 0003252 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Ông L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Tuấn**